

Ảnh màu 4x6

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**  
**Mã hồ sơ: .....**

(Nếu nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nếu nội dung không đúng thì để trống:  )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Công nghệ thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

- Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN MẠNH HÙNG
- Ngày tháng năm sinh: 05/02/1982; Nam ; Nữ ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
- Đảng viên Đảng CSVN:
- Quê quán: xã / phường, huyện /quận, tỉnh / thành phố:  
Xã Hưng Lợi, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An.
- Chỗ ở hiện nay (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh):  
P601, CT7D, KĐT Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.  
Điện thoại nhà riêng: , Điện thoại di động: 0987812082,  
Địa chỉ E-mail: nmh.nguyenmanhhung@gmail.com
- Địa chỉ liên hệ: (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):  
Khoa CNTT1, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Km10 Nguyễn Trãi, Hà Đông,  
Hà Nội.
- Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan ):  
Từ 1999 - 2004: Học đại học tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Hà Nội.  
Từ 2004 - 2007: Học cao học tại Viện Tin học Pháp ngữ (IFI), Hà Nội  
Từ 03/2007 - 09/2007: Thực tập sinh thạc sĩ tại Đại học Marseille III Paul Cezannes,  
Marseille, Pháp.  
Từ 10/2007 - 10/2010: Nghiên cứu sinh tiến sĩ tại Đại học Toulouse, Toulouse, Pháp.  
Từ 01/2011 - 02/2019: Giảng viên tại Khoa Công nghệ thông tin 1, Học viện Công nghệ  
Bưu chính Viễn thông, Hà Nội.  
Từ 02/2019 đến nay: Trưởng bộ môn Công nghệ phần mềm, Khoa Công nghệ thông tin 1,  
Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Hà Nội.  
Chức vụ: Hiện nay: Trưởng bộ môn, Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay (khoa, phòng, ban; trường, viện; thuộc Bộ):

Khoa Công nghệ thông tin 1, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Bộ Thông tin và Truyền thông.

Địa chỉ cơ quan: số 122 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 0243. 5746800, Địa chỉ E-mail:....., Fax: 0243.7339432

Hệ số lương:

- Hiện nay: 3,66 (bậc 4/9 ngạch giảng viên)

- Trước khi nghỉ hưu (nếu đã nghỉ hưu): .....

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): .....

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ..... năm .....

Nơi công tác sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi có hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

.....

9. Hiện nay là (đánh dấu vào ô phù hợp):

Giảng viên  Nghiên cứu viên  ; Cán bộ quản lý  ; Các công tác khác  ; Hưu trí

10. Học vị:

- Được cấp bằng ĐH ngày 12 tháng 01 năm 2004, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Hà Nội.

- Được cấp bằng ThS ngày 18 tháng 08 năm 2009, ngành: Tin học, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Viện Tin học Pháp ngữ (IFI), Hà Nội.

- Được cấp bằng TS ngày 08 tháng 10 năm 2010, ngành: Công nghệ thông tin, chuyên ngành: Khoa học máy tính

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Toulouse, Pháp.

- Được cấp bằng TSKH ngày .... tháng .....năm ....., ngành:....., chuyên ngành: .....

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

11. Đã được công nhận chức danh PGS ngày .... tháng .....năm ....., ngành: .....

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐCDGS cơ sở:

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

13. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐCDGS ngành, liên ngành:

Công nghệ thông tin

14. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Các hệ thống tính toán thông minh dựa trên mô hình hệ đa tác tử

- Mô hình hóa và mô phỏng các hệ thống phức tạp dựa trên hệ đa tác tử

- Học máy và khai phá thông tin trên mạng xã hội và các cổng thông tin điện tử

15. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học :

- Đã hướng dẫn 01 NCS (hướng dẫn 2) bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ;

- Đã hướng dẫn 04 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành 01 đề tài nghiên cứu khoa học tiềm năng thuộc chương trình KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước; 04 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở;
- Đã công bố 23 bài báo khoa học quốc tế, 03 bài báo khoa học trong nước (tác giả chính tổng cộng 17 bài). Trong đó, có 02 bài trên các tạp chí **SCIE**, 05 bài trên các tạp chí **Scopus**, 01 bài trên các tạp chí **ESCI**.
- Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất:
  1. Manh Hung Nguyen, Tuong Vinh Ho and Jean-Daniel Zucker. Integration of Smoke Effect and Blind Evacuation Strategy (SEBES) within Fire Evacuation Simulation. *Simulation Modelling Practice and Theory*. Volume 36, August 2013, p.44-59. ISSN 1569-190X (**SCIE**, **IF=2.18** năm 2013, **30 cited**, **Q1** in Hardware and Architecture, **Q2** in Modeling and Simulation/Software năm 2013).
  2. Manh Hung Nguyen and Tuong Vinh Ho. *An Agent-based Model for Simulation of Traffic Network Status: Applying for Hanoi City*. *SIMULATION: Transactions of The Society for Modeling and Simulation International*. Volume 92, number 11, p.999-1012, November 2016. ISSN:0037-5497 (1741-3133) (**SCIE**, **IF=0.72** năm 2016, **Q2** in Computer Graphic an Design, **Q3** in Software/Modeling and Simulation năm 2016).
  3. Manh Hung Nguyen and Dinh Que Tran. *A Combination Trust Model for Multi-agent Systems*. *International Journal of Innovative Computing, Information and Control (IJICIC)*, Vol.9, No.6, p.2405-2421, June 2013. ISSN 1349-4198 (**Scopus**, **IF=1.37** năm 2013, **24 cited**, **Q2** in Information Systems/Software, **Q3** in Computational Theory and Mathematics/Theoretical Computer Sciences năm 2013).
  4. Jean-François Bonnefon, Dominique Longin and Manh Hung Nguyen. A Logical Framework for Trust-Related Emotions. *Electronic Communications of the EASST, Berlin - Germany, Special number for Formal Methods for Interactive Systems 2009*, Vol. 22, ISSN 1863-2122, 2009 (**Scopus**, **13 cited**, **Q4** in Theoretical Computer Sciences/Software năm 2009).
  5. Manh Hung Nguyen and Dinh Que Tran. A Computational Trust Model with Trustworthiness against Liars in Multiagent Systems. *Proceedings of The 4th International Conference on Computational Collective Intelligence Technologies and Applications (ICCCI)*, Ho Chi Minh City, Vietnam, 28-30 November 2012. Ngoc Thanh Nguyen et al. (Eds), *ICCCI 2012, Part I, LNAI 7653*, pp. 446–455, Springer-Verlag Berlin Heidelberg 2012.
- 16. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):
  -
- 17. Kỹ luật:
  - Không

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/ PHÓ GIÁO SƯ

### 1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

Trong suốt thời gian làm công tác giảng dạy, từ năm 2011 đến nay (2019), tôi luôn cố gắng phấn đấu đảm bảo các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định tại Luật giáo dục Việt Nam và các văn bản liên quan quy định về nhiệm vụ, chế độ làm việc của giảng viên; luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách của người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học.

*Trong công tác giảng dạy:* luôn chủ động học hỏi, nghiên cứu tìm tòi cập nhật các kiến thức mới liên quan đến môn học. Đặc biệt tôi luôn chú trọng đến khả năng ứng dụng đối với từng mảng kiến thức để lôi cuốn, hấp dẫn sinh viên. Mỗi vấn đề được trình bày đều được minh họa qua những ví dụ cụ thể, sinh động và phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn của Việt Nam. Tác phong giảng dạy chuyên nghiệp, nghiêm túc; được nhiều đồng nghiệp, sinh viên đại học, học viên cao học đánh giá cao. Số giờ chuẩn hàng năm đạt trên 300 giờ/năm.

*Trong công tác nghiên cứu:* Tích cực, chủ động trong nghiên cứu. Luôn luôn học hỏi, tìm tòi, sáng tạo để duy trì hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực của mình phù hợp với điều kiện còn nhiều khó khăn ở trong nước. Tích cực, chủ động hợp tác nghiên cứu có hiệu quả với các đồng nghiệp tại Học viện, các đối tác ở Viện Quốc tế Pháp ngữ (IFI), hợp tác quốc tế với các đối tác trong đơn vị nghiên cứu UMMISCO 209, thuộc Viện nghiên cứu và phát triển quốc gia Pháp (IRD). Tính đến tháng 7/2019, tôi đã công bố hơn 20 bài báo trong nước và quốc tế (17 bài là tác giả chính), trong đó có 02 bài trên các tạp chí SCIE, 05 bài trên các tạp chí Scopus, 01 bài trên các tạp chí ESCI. Các bài báo này đã có trên 150 lượt trích dẫn và chỉ số h-index đang là 6 (nguồn: Google scholar).

Đánh giá chung: tôi nhận thấy rằng tôi đã và đang hoàn thành tốt nhiệm vụ của một giảng viên đại học; có lòng nhiệt huyết và yêu nghề; tác phong làm việc chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao.

### 2. Thâm niên đào tạo:

Tổng số 8 năm 6 tháng (từ tháng 1/2011 đến tháng 7/2019) thâm niên đào tạo.

Khai cụ thể ít nhất 6 thâm niên, trong đó có 3 thâm niên cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT thâm niên	Khoảng thời gian	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy	
		Chính	Phụ			ĐH	SDH
1	08/2011 - 06/2012				6	270	60
2	08/2012 - 06/2013				6	540	30
3	08/2013 - 06/2014			1	6	450	60
4	08/2014 - 06/2015			1	6	540	30
5	08/2015 - 06/2016			2	6	540	60
3 thâm niên cuối:							
6	08/2016 – 06/2017		1	1	6	450	90
7	08/2017 – 06/2018				6	540	60
8	08/2018 – 06/2019				6	450	60

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Anh, Pháp

- a) Được đào tạo ở nước ngoài :
- Học ĐH ; Tại nước:
  - Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS  hoặc TSKH; Tại nước : Pháp
  - Thực tập dài hạn (> 2 năm) ; Tại nước :
- b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước  :
- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: .....; số bằng:.....; năm cấp:.....
- c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài  :
- Giảng dạy bằng ngoại ngữ : .....
  - Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....
- d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: .....

#### 3.2. Tiếng Anh giao tiếp ( văn bằng, chứng chỉ): TOEFL 503, TOEIC 690

### 4. Hướng dẫn NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm		Thời gian hướng dẫn	Cơ sở đào tạo	Năm đã bảo vệ
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Hoàng Anh		x	x		2014-2015	Học viện CN BCVT	2015
2	Trần Văn Thắng		x	x		2015	Học viện CN BCVT	2015
3	Bùi Quang Huy		x	x		2015	Học viện CN BCVT	2015
4	Lương Đình Nghĩa		x	x		2015-2016	Học viện CN BCVT	2016
5	Cao Xuân Tuấn	x			x	2014-2017	Học viện CN BCVT	2017

### 5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

- Sách được tính điểm là sách đã xuất bản, đã nộp lưu chiểu trước thời điểm hết hạn nộp hồ sơ, có xác nhận đã được sử dụng của cơ sở giáo dục đại học.

- Ứng viên sắp xếp và kê khai theo thứ tự thời gian của các sách đã xuất bản; Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên chức danh PGS: trước khi bảo vệ học vị TS và sau khi bảo vệ học vị TS; Đối với ứng viên GS: trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS.

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết một mình hoặc chủ biên, phần biên soạn	Thẩm định, xác nhận sử dụng của CSGDDH
1						

6. Chủ nhiệm hoặc tham gia chương trình, đề tài NCKH đã nghiệm thu

TT	Tên CT, ĐT	CN	TG	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Nghiên cứu phát triển hệ thống dự đoán lưu lượng và định tuyến thông minh cho giao thông đô thị dựa trên mô hình kết hợp tính toán thông minh và khai phá dữ liệu thời gian thực	x		KC.01.TN06/11-15 Cấp Nhà nước (Ban chủ nhiệm chương trình KH&CN trọng điểm cấp Nhà nước “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ Thông tin và Truyền thông”, Mã số KC.01/11-15)	1/2012 - 12/2012	18/03/2013	Đạt
2	Mô hình tin cậy và phát hiện gian dối trong chia sẻ thông tin cộng đồng	x		01-2014-VH-CNTT Học viện CN BCVT	1/2014 – 12/2014	10/12/2014	Tốt
3	Mô hình ước lượng độ tương tự ngữ nghĩa giữa các văn bản	x		05-2015-HV-CNTT Học viện CN BCVT	1/2015 – 12/2015	30/12/2015	Tốt
4	Mô hình ước lượng độ tương tự giữa các bài đăng trên mạng xã hội	x		03-2016-HV-CNTT Học viện CN BCVT	1/2016 – 12/2016	8/12/2016	Tốt
5	Xây dựng hệ thống xác định cảm xúc trong văn bản	x		19-2018-HV-CNTT-PM Học viện CN BCVT	1/2018 – 12/2018	25/12/2018	Tốt

Chú ý các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; MM: viết một mình; CB: Chủ biên; phần ứng viên biên soạn đánh dấu từ trang ... đến trang ... (ví dụ: 17-56; 145 - 329); CT: chương trình; ĐT: đề tài; CN.CT: Chủ nhiệm chương trình; PCN.CT: Phó chủ nhiệm chương trình; TK.CT: Thư ký chương trình; CN: Chủ nhiệm đề tài.

7. Kết quả NCKH đã công bố (bài báo khoa học và bằng phát minh, sáng chế)

- Ứng viên sắp xếp và kê khai theo thứ tự thời gian của các bài báo khoa học đã công bố; Tách thành 2 giai đoạn: Đối với ứng viên GS: trước khi được công nhận chức danh PGS và sau khi được công nhận chức danh PGS; Đối với ứng viên chức danh PGS: trước khi bảo vệ luận án TS và sau khi bảo vệ luận án TS;

- Chỉ kê khai các bằng phát minh sáng chế có giá trị khoa học, công nghệ. Không kê khai các sáng chế, phát minh ở mức đăng ký độc quyền chế tạo mà chưa được xác định giá trị khoa học công nghệ cũng như giá trị sử dụng thực tế.

## 7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tác giả chính	Đăng trên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học	Tạp chí ISI hoặc Scopus (IF nếu có) (*)	Tập	Số	Trang	Năm công bố
<b>Trước khi bảo vệ luận án Tiến sĩ</b>									
1	A Logical Framework for Trust-Related Emotions	3		Electronic Communications of the EASST. E-ISSN: 1863-2122	<b>Scopus Q4</b> (năm 2009)	22		1 - 15	2009
2	Relation of Trust and Social Emotions: A Logical Approach	3		IEEE/WIC/ACM International Conference on Intelligent Agent Technology (IAT 2009)				289 - 292	2009
<b>Sau khi bảo vệ luận án Tiến sĩ</b>									
3	A Computational Trust Model with Trustworthiness against Liars in Multiagent Systems	2	x	The 4th International Conference on Computational Collective Intelligence Technologies and Applications (ICCCI)				446 - 455	2012
4	A Multi-issue Trust Model in Multiagent Systems: A Mathematical Approach	2	x	South-East Asian Journal of Sciences ISSN: 2350-9910		1	1	46 - 54	2012
5	A Simulation Model for Optimise the Fire Evacuation Configuration in the Metro supermarket of Hanoi	3	x	The Ninth International Conference on Simulated Evolution And Learning (SEAL2012)				470 - 479	2012
6	Which Behavior is best in a Fire Evacuation: Simulation with the Metro supermarket of Hanoi	4	x	The 9th IEEE - RIVF International Conference on Computing and Communication Technology				183 - 188	2012
7	Simulation of emergency evacuation of pedestrians along the road networks in Nhatrang city	5		The 9th IEEE - RIVF International Conference on Computing and Communication Technology				195 - 200	2012

8	Integration of Smoke Effect and Blind Evacuation Strategy (SEBES) within Fire Evacuation Simulation	3	x	Simulation Modelling Practice and Theory ISSN 1569-190X	<b>SCIE IF=2.18 Q1/Q2 (năm 2013)</b>	36		44 - 59	2013
9	A Combination Trust Model for Multi-agent Systems	2	x	International Journal of Innovative Computing, Information and Control (IJICIC) ISSN 1349-4198	<b>Scopus IF=1.37 Q2/Q3 (năm 2013)</b>	9	6	2405-2421	2013
10	Towards A Semantic Search Mechanism based on Query Expansion	2	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ: Chuyên san các công trình nghiên cứu về ĐT, VT CNTT / Viện Hàn lâm KH CN Việt Nam. Học viện CNBCVT ISSN: 0866-708X		51	3A	20 - 29	2013
11	On the Dynamic Optimization of Traffic Lights	3	x	The 4th Conference in Asia Simulation and Modelling (ASIMMOD 2013).				35-42	2013
12	Dynamic Path Optimization in Traffic Routing	5	x	The 4th Conference in Asia Simulation and Modelling (ASIMMOD 2013).				43-50	2013
13	A Mathematical Model for Semantic Similarity between Sentences	2	x	South-East Asian Journal of Sciences ISSN: 2350-9910		3	1	63 - 75	2014
14	A trust model for new member in multiagent system	2	x	Vietnam Journal of Computer Science ISSN:2196-8888		2	3	181 – 190	2015
15	Combination of formal logic and hedge algebra to estimate the degree of trust	1	x	Journal of Computer Science and Cybernetics ISSN:1813-9663		31	3	201 - 211	2015
16	Modeling and simulation of the effects of landslide on circulation of transports on the mountain roads	4	x	International Journal of Advanced Computer Science and Applications (IJACSA) ISSN:2158-107X		6	8	262 - 270	2015
17	An Agent-based Model for Simulation of Traffic Network Status: Applying for Hanoi City	2	x	SIMULATION: Transactions of The Society for Modeling and Simulation International ISSN:0037-5497	<b>SCIE IF= 0.72 Q2/Q3 (năm 2016)</b>	92	11	999-1012	2016
18	Multi-feature based Similarity among Entries on Media Portals.	4		International Conference on Advances in Information and Communication Technology (ICTA 2016)				373 - 382	2016



19	Incorporation of Experience and Reference-based Topic Trust with Interests in Social Network	3		International Conference on Advances in Information and Communication Technology (ICTA 2016)				286 - 293	2016
20	Combination of Cognitive and Quantitative Aspects to Estimate the Degree of Emotions.	1	x	Journal of Computer Science and Cybernetics ISSN:1813-9663		32	3	209 - 224	2017
21	Integrated Sentiment and Emotion into Estimating the Similarity among Entries on Social Network	4		3rd EAI International Conference on Industrial Networks and Intelligent Systems (INISCOM 2017)				1 - 12	2017
22	Modeling and simulation of the effects of social relation and emotion on decision making in emergency evacuation	5		International Journal of Advanced Computer Science and Applications (IJACSA) ISSN:2158-107X	<b>ESCI</b>	8	9	371-392	2017
23	Estimating the similarity of social network users based on behaviors	4		Vietnam Journal of Computer Science. ISSN:2196-8888 (2196-8896)		5	2	162-175	2018
24	On the Distinction of Subjectivity and Objectivity of Emotions in Texts	1	x	International Journal of Advanced Computer Science and Applications (IJACSA) ISSN:2158-107X	<b>ESCI Scopus</b>	9	9	584-589	2018
25	An Agent-based Simulation for Studying Air Pollution from Traffic in Urban Areas: The Case of Hanoi City	3		International Journal of Advanced Computer Science and Applications (IJACSA) ISSN:2158-107X	<b>ESCI Scopus</b>	10	3	596-604	2019
26	Impacts of Unbalanced Test Data on the Evaluation of Classification Methods	1	x	International Journal of Advanced Computer Science and Applications (IJACSA) ISSN:2158-107X	<b>ESCI Scopus</b>	10	3	497-502	2019

## 7.2. Bảng phát minh, sáng chế

TT	Tên bảng	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
1				



### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 2019

Người đăng ký  
(Ghi rõ họ tên, ký tên)

**Nguyễn Mạnh Hùng**

### **D. XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NƠI ĐANG LÀM VIỆC**

Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông xác nhận:

TS. Nguyễn Mạnh Hùng

Sinh ngày 05/02/1982

Chỗ ở hiện nay: P601, CT7D, KĐT Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.

1. Là biên chế Giảng viên đại học của Học viện Công nghệ Bưu Chính Viễn thông từ tháng 1/2011; có 8 năm 6 tháng thâm niên đào tạo bậc đại học (trong đó hơn 8 năm tham gia đào tạo bậc sau đại học). Hiện nay TS. Nguyễn Mạnh Hùng đang là Trưởng bộ môn Công nghệ phần mềm, Khoa Công nghệ thông tin 1, đang hưởng bậc lương 4/9 ngạch lương Giảng viên (mã ngạch 15.111- bảng lương viên chức loại A2.1 thuộc hệ thống bảng lương ban hành kèm theo nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004).
2. TS. Nguyễn Mạnh Hùng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của người Giảng viên – Trưởng bộ môn trong khoảng thời gian trên.

Hà Nội, ngày.....tháng .....năm 2019

Thủ trưởng cơ quan  
(Ghi rõ họ tên, ký tên, đóng dấu)